

BÁO CÁO CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM 2025

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²):	45697m ² /1088SV/ 42m ² /SV	45697 m ² /1012SV/ 45,15 m ² /SV
2	Diện tích sàn/người học (m ²) (SV chính quy)	23301,06,2m ² /1088SV/ 21,4m ² /SV	23301,06,2m ² /1012SV/ 23,02 m ² /SV
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	10,4%	10,4%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	350,5	349,7
5	Số bản sách/người học	75,5	80,4
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	60%	50%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	1024 Mbps/ người học	512 Mbps/ người học

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính (Cơ sở 1)	Số 9, Đèo Giang, Phường Chi Lăng	36.000	16.157,06
2	Cơ sở 2	Số 148, Nguyễn Du, Phường Đông Kinh	9.697	7144
Tổng cộng			40.651	23.301,06

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...	Không	
2	Nâng cấp tòa nhà...	Không	
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	Không	
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	Không	
Tổng cộng			

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác: Không